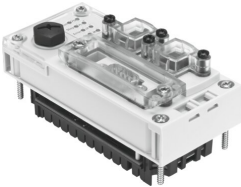


**Khối điều khiển**  
**CPX-CEC-M1-V3**  
Số bộ phận: 3472765

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giao thức                             | CODESYS Cấp độ 2<br>EasyIP<br>Modbus TCP<br>TCP/IP                                                                                                                                                 |
| Kích thước B x L x H                  | 50 mm x 107 mm x 55 mm                                                                                                                                                                             |
| trọng lượng sản phẩm                  | 135 g                                                                                                                                                                                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...50 °C                                                                                                                                                                                      |
| Nhiệt độ bảo quản                     | -20 °C...70 °C                                                                                                                                                                                     |
| Độ ẩm tương đối                       | 95 %<br>không cô đặc                                                                                                                                                                               |
| Mức độ bảo vệ                         | IP65<br>IP67                                                                                                                                                                                       |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                                                                             |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B2-L                                                                                                                                                                                     |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                                      |
| Vật liệu vỏ                           | PA gia cố<br>PC                                                                                                                                                                                    |
| Màn hình LED cụ thể theo sản phẩm     | ERR: Lỗi thời gian chạy PLC<br>M: Sửa đổi/cưỡng bức hoạt động<br>PL: Nguồn cấp tải<br>PS: Nguồn cấp điện tử, nguồn cấp cảm biến<br>RUN: Trạng thái PLC<br>SF: Lỗi hệ thống<br>DỪNG: Trạng thái PLC |
| Màn hình LED dành riêng cho bus       | TP: Link/Traffic                                                                                                                                                                                   |
| Chẩn đoán thiết bị cụ thể             | Chẩn đoán theo hướng kênh và mô-đun<br>Điện áp thấp/ngắn mạch mô-đun<br>Bộ nhớ chẩn đoán                                                                                                           |
| Các yếu tố vận hành                   | Công tắc DIL cho bộ đóng CAN<br>Công tắc xoay cho RUN/Stop                                                                                                                                         |
| Cài đặt địa chỉ IP                    | DHCP<br>qua CODESYS<br>thông qua MMI                                                                                                                                                               |
| Giao diện fieldbus, kiểu              | CAN-Bus                                                                                                                                                                                            |
| Giao diện fieldbus, công nghệ kết nối | Phích cắm<br>Sub-D<br>9 cực                                                                                                                                                                        |

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                                                                                                                |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giao diện Fieldbus, cách ly điện                           | có                                                                                                                                                                     |
| Giao diện Fieldbus, tốc độ truyền                          | 125, 250, 500, 800, 1000 kbit/s<br>điều chỉnh thông qua phần mềm                                                                                                       |
| Giao diện Ethernet                                         | RJ 45 (Ổ cắm, 8 chân)                                                                                                                                                  |
| Ethernet, số lượng                                         | 1                                                                                                                                                                      |
| Ethernet, các giao thức được hỗ trợ                        | TCP/IP, EasyIP, Modbus TCP                                                                                                                                             |
| Ethernet, phích cắm nối                                    | RJ45<br>Ổ cắm<br>8 chân                                                                                                                                                |
| Ethernet, tốc độ truyền dữ liệu                            | 10/100 Mbit/s                                                                                                                                                          |
| Tham số hóa                                                | CODESYS V3                                                                                                                                                             |
| Hỗ trợ cấu hình                                            | CODESYS V3                                                                                                                                                             |
| Chức năng bổ sung                                          | Chẩn đoán chức năng<br>Chức năng Softmotion cho hệ truyền động điện                                                                                                    |
| Dữ liệu CPU                                                | 256 MB RAM<br>32 MB Flash<br>Bộ xử lý 800 MHz                                                                                                                          |
| Giao diện điều khiển                                       | CAN-Bus                                                                                                                                                                |
| Điện áp hoạt động danh định DC                             | 24 V                                                                                                                                                                   |
| Điện áp vận hành định mức DC điện áp tải                   | không có khí nén: 18 ... 30V<br>24 V<br>với loại khí nén loại Midi/Maxi: 21,6 ... 26,4 V<br>với khí nén loại CPA: 20,4 ... 26,4 V<br>với khí nén loại MPA: 18 ... 30 V |
| Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức | Loại 85 mA                                                                                                                                                             |
| Bắt đầu sự cố điện                                         | 10 ms                                                                                                                                                                  |
| Lập trình, ngôn ngữ điều hành                              | DE, EN                                                                                                                                                                 |
| Ngôn ngữ lập trình                                         | theo IEC 61131-3<br>KOP<br>AWL<br>ST<br>FUP<br>AS<br>CFC bổ sung                                                                                                       |
| Lập trình, hỗ trợ xử lý tệp                                | có                                                                                                                                                                     |
| Phần mềm lập trình                                         | CODESYS do Festo cung cấp                                                                                                                                              |
| Bộ nhớ chương trình                                        | Chương trình người dùng 16 MB                                                                                                                                          |
| Thời gian xử lý                                            | hướng dẫn khoảng 200 µs/1 k                                                                                                                                            |
| Các khối chức năng                                         | Đọc chẩn đoán mô-đun CPX<br>Trạng thái chẩn đoán CPX<br>Lưu kết quả chẩn đoán CPX<br>và khác                                                                           |
| Điểm đánh dấu                                              | 28 kB dữ liệu lưu giữ<br>Khái niệm biến CODESYS                                                                                                                        |
| Tổng số trục                                               | 31                                                                                                                                                                     |